



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 5 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Bùi Đức Long
Ông Nguyễn Việt Phương
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 28/4/2023)
Thành viên (đến ngày 28/4/2023)
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thức
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
Phó Tổng Giám đốc Nội chính
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Ủy ban Kiểm toán

Ông Đào Anh Thắng
Ông Bùi Đức Long
Ông Nguyễn Việt Phương

Chủ tịch
Thành viên (từ ngày 28/4/2023)
Thành viên (đến ngày 28/4/2023)

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, **22-03-2024**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22-03-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00227-24-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **22-03-2024**

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.365.715.428.643	2.946.640.233.205
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	446.071.490.535	164.141.010.132
Tiền	111		435.529.434.759	124.088.407.392
Các khoản tương đương tiền	112		10.542.055.776	40.052.602.740
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		950.000.000.000	432.857.808.219
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	950.000.000.000	432.857.808.219
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		878.903.787.837	938.490.552.873
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	860.337.905.474	866.051.626.939
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	44.541.723.581	73.249.950.492
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	28.993.745.315	61.276.754.278
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(54.969.586.533)	(62.087.778.836)
Hàng tồn kho	140	11	1.073.875.638.543	1.365.841.984.676
Hàng tồn kho	141		1.073.875.638.543	1.369.554.120.717
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.712.136.041)
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.864.511.728	45.308.877.305
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.420.744.689	12.446.361.138
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	32.448.774.160
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		443.767.039	413.742.007

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.729.425.708.773	1.780.476.105.395
Tài sản cố định	220		1.230.626.000.643	1.324.966.964.370
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.230.626.000.643	1.324.966.964.370
<i>Nguyên giá</i>	222		2.843.976.034.986	2.810.670.809.484
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.613.350.034.343)	(1.485.703.845.114)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.501.022.223	2.501.022.223
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.501.022.223)	(2.501.022.223)
Tài sản dở dang dài hạn	240		47.357.468.650	2.173.973.393
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	47.357.468.650	2.173.973.393
Đầu tư tài chính dài hạn	250		325.272.188.600	315.272.188.600
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	95.960.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	10.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		126.170.050.880	138.062.979.032
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	126.170.050.880	138.062.979.032
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.095.141.137.416	4.727.116.338.600

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.220.207.566.510	2.129.542.537.289
Nợ ngắn hạn	310		2.220.207.566.510	2.129.542.537.289
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	302.978.842.673	235.400.714.256
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	7.667.922.805	30.421.439.866
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	17	49.313.871.335	27.502.552.251
Phải trả người lao động	314		59.405.771.039	58.900.186.915
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	112.842.186.415	60.755.178.177
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	23.295.169.375	60.924.718.404
Vay ngắn hạn	320	20	1.645.227.876.481	1.649.879.077.138
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	19.475.926.387	5.758.670.282
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.874.933.570.906	2.597.573.801.311
Vốn chủ sở hữu	410	22	2.874.933.570.906	2.597.573.801.311
Vốn cổ phần	411	23	1.295.753.340.000	1.295.753.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.295.753.340.000	1.295.753.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	1.174.251.384.986	1.023.163.062.043
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		404.928.845.920	278.657.399.268
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.199.299.220	47.199.299.220
- LNST năm nay	421b		357.729.546.700	231.458.100.048
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.095.141.137.416	4.727.116.338.600

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

22-03-2024

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	4.721.261.485.121	5.256.518.490.276
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	113.239.525.771	130.024.611.332
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 – 02)	10	27	4.608.021.959.350	5.126.493.878.944
Giá vốn hàng bán	11	28	3.377.147.519.398	3.996.856.401.088
Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)	20		1.230.874.439.952	1.129.637.477.856
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	268.510.609.512	219.750.798.893
Chi phí tài chính	22	30	122.082.875.555	132.393.083.058
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		83.318.618.128	76.016.547.399
Chi phí bán hàng	25	31	566.912.774.298	548.243.888.694
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	172.973.208.791	138.180.258.062
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (25 + 26)}	30		637.416.190.820	530.571.046.935
Thu nhập khác	31		5.355.481.923	3.632.522.782
Chi phí khác	32		1.384.835.106	1.917.950.530
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 – 32)	40		3.970.646.817	1.714.572.252
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		641.386.837.637	532.285.619.187
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	89.294.289.937	76.464.518.139
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51)	60		552.092.547.700	455.821.101.048

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

22-03-2024

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	641.386.837.637	532.285.619.187
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	150.406.360.901	149.072.966.500
Các khoản dự phòng	03	(10.830.328.344)	(1.340.971.740)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	164.314.320	6.125.133.983
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(266.351.343.225)	(209.302.284.619)
Chi phí lãi vay	06	83.318.618.128	76.016.547.399
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	598.094.459.417	552.857.010.710
Biến động các khoản phải thu	09	129.749.622.855	(219.555.616.764)
Biến động hàng tồn kho	10	295.678.482.174	(419.935.389.126)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	24.888.996.835	(116.135.753.406)
Biến động chi phí trả trước	12	4.254.982.329	(18.239.582.928)
		1.052.666.543.610	(221.009.331.514)
Tiền lãi vay đã trả	14	(84.246.782.998)	(72.739.805.326)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(71.549.313.676)	(87.654.476.481)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.864.854.000)	(40.096.884.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	895.005.592.936	(421.500.497.571)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(72.873.510.106)	(105.972.573.831)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	447.181.818	753.532.524
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng và đầu tư trái phiếu	23	(1.410.000.000.000)	(838.272.602.739)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	882.857.808.219	1.255.414.794.520
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	252.650.211.650	214.884.590.683
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(346.918.308.419)	526.807.741.157

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.274.716.870.586	4.403.659.862.197
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.281.678.336.581)	(4.165.510.272.066)
Tiền trả cổ tức	36	(259.150.668.000)	(312.159.184.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(266.112.133.995)	(74.009.593.869)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	281.975.150.522	31.297.649.717
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	164.141.010.132	132.976.715.364
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(44.670.119)	(133.354.949)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	446.071.490.535	164.141.010.132

Người lập:



Lưu Thị Mai
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

22-03-2024

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 5 năm 2023.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 6.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1.272 nhân viên (1/1/2023: 1.262 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	127.243.970	723.402.875
Tiền gửi ngân hàng	435.402.190.789	123.365.004.517
Các khoản tương đương tiền	10.542.055.776	40.052.602.740
	<hr/>	<hr/>
	446.071.490.535	164.141.010.132
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính	(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số lượng	31/12/2023		1/1/2023	
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn					
	▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		950.000.000.000	950.000.000.000	432.857.808.219	432.857.808.219
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn					
	▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	100.000	10.000.000.000	(*)	-	-

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 5,2% đến 7,5% (1/1/2023: từ 5,7% đến 10%/năm). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023			1/1/2023				
	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
Công ty con								
▪ Công ty TNHH Nhựa Thiều niên Tiền Phong Miền Trung (i)		100,00%	120.000.000.000	-	(*)	120.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (ii)		100,00%	11.100.000.000	-	(*)	11.100.000.000	-	(*)
			131.100.000.000	-		131.100.000.000	-	
Công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong phía Nam (iii)	12.218.580	27,39%	84.150.000.000	-	(*)	84.150.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (iv)	499.775	49,98%	5.397.000.000	-	(*)	5.397.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (v)		51,00%	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)
			113.345.883.000	(23.798.883.000)		113.345.883.000	(23.798.883.000)	
Đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (vi)	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	-	(*)	46.784.068.600	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.800.000	1,80%	41.400.000.000	-	72.990.000.000	41.400.000.000	-	66.600.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	396.000	17,39%	5.148.000.000	-	(*)	5.148.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	1.128.120.000	-	(*)	1.128.120.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)
			95.960.188.600	(1.335.000.000)		95.960.188.600	(1.335.000.000)	
			340.406.071.600	(25.133.883.000)		340.406.071.600	(25.133.883.000)	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiên Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (ii) Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (“Bất động sản Tiên Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiên Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (iv) Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, mảng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (v) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiên Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong.
- Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phần ảnh hưởng đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.
- (vi) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	378.726.082.679	375.340.672.512
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (iii)	51.471.124.885	63.407.039.363
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	7.637.597.893	1.964.613.471
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (iii)	11.286.000	15.228.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (iii)	24.192.000	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	280.617.419.558	235.916.348.895
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	57.686.733.342	11.642.880.145
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	53.669.409.252	73.246.697.591
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	13.851.981.980	16.935.150.960
Iplex Pipelines NZ Ltd	8.403.595.985	18.888.932.956
Công ty TNHH Tam Phước	3.144.294.845	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	-	65.474.372.304
Các khách hàng khác	5.094.187.055	3.219.690.742
	860.337.905.474	866.051.626.939

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (iii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	1.777.618.002	2.432.858.181
Bên khác		
Công ty TNHH Eplas	24.856.842.099	10.282.845.424
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	1.618.499.179	17.325.655.600
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	2.800.219.372	3.841.482.876
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	120.980.258	3.195.238.962
Công ty TNHH Công nghệ Hoá nhựa Bông Sen	305.376.045	4.333.829.379
Công ty TNHH CT-Wearnes Việt Nam	-	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Van Vina	-	1.832.624.420
Các nhà cung cấp khác	13.062.188.626	18.005.415.650
	44.541.723.581	73.249.950.492

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan		
Phải thu Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung, công ty con, liên quan đến các khoản trả hộ và nguyên vật liệu cho vay	1.844.917.697	48.177.538.800
Bên khác		
Phải thu tiền lãi	19.952.058.638	6.698.108.881
Tạm ứng	3.638.775.582	4.319.845.817
Đặt cọc	2.137.000.000	1.489.000.000
Phải thu khác	1.420.993.398	592.260.780
	28.993.745.315	61.276.754.278

Các khoản phải thu phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi suất (1/1/2023: 6%/năm) và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2023				1/1/2023			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 2 năm đến trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	51.471.124.885	(51.471.124.885)	-	Trên 3 năm	63.407.039.363	(59.738.819.632)	3.668.219.731
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	3.831.674.814	(1.149.502.444)	2.682.172.370				
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-
		57.651.758.903	(54.969.586.533)	2.682.172.370		65.755.998.567	(62.087.778.836)	3.668.219.731

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(54.969.586.533)

(62.087.778.836)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	155.195.747.793	-	76.011.196.033	-
Nguyên vật liệu	627.097.354.446	-	928.752.980.255	(3.712.136.041)
Công cụ và dụng cụ	14.091.900.373	-	10.096.957.539	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.548.584.505	-	58.304.521.409	-
Thành phẩm	241.942.051.426	-	296.388.465.481	-
	<hr/>		<hr/>	
	1.073.875.638.543	-	1.369.554.120.717	(3.712.136.041)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.534.498.311.445	1.096.942.451.499	161.649.545.348	17.580.501.192	2.810.670.809.484
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	8.420.882.368	14.929.523.158 (16.731.833.646)	29.051.429.376 (2.119.096.754)	- (245.679.000)	52.401.834.902 (19.096.609.400)
Số dư cuối năm	1.542.919.193.813	1.095.140.141.011	188.581.877.970	17.334.822.192	2.843.976.034.986
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	599.553.866.751	755.285.629.085	113.982.079.051	16.882.270.227	1.485.703.845.114
Khấu hao trong năm Thanh lý	74.085.874.232	60.235.332.564 (16.731.833.646)	12.077.767.245 (2.119.096.754)	343.824.588 (245.679.000)	146.742.798.629 (19.096.609.400)
Số dư cuối năm	673.639.740.983	798.789.128.003	123.940.749.542	16.980.415.815	1.613.350.034.343
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	934.944.444.694	341.656.822.414	47.667.466.297	698.230.965	1.324.966.964.370
Số dư cuối năm	869.279.452.830	296.351.013.008	64.641.128.428	354.406.377	1.230.626.000.643

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có tài sản có nguyên giá 685.341 triệu VND (1/1/2023: 601.003 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 323.949 triệu VND (1/1/2023: 363.546 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.173.973.393	32.881.860.391
Tăng trong năm	97.585.330.159	36.110.276.353
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(52.401.834.902)	(56.526.951.042)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(8.529.493.175)
Khác	-	(1.761.719.134)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	47.357.468.650	2.173.973.393

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	20.786.441.366	2.173.973.393
Máy móc, thiết bị	26.571.027.284	-
	<hr/>	<hr/>
	47.357.468.650	2.173.973.393

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	107.575.652.297	1.249.518.227	29.237.808.508	138.062.979.032
Tăng trong năm	-	1.909.375.913	1.789.715.751	3.699.091.664
Phân bổ trong năm	(3.663.562.272)	(1.337.170.097)	(10.591.287.447)	(15.592.019.816)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	103.912.090.025	1.821.724.043	20.436.236.812	126.170.050.880

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	40.850.728.922	46.962.939.960
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	129.496.232.050	50.223.323.676
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	2.459.194.813	4.927.811.613
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	338.576.590
Bên khác		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	13.394.965.034	68.523.416.669
Solmer Future Ltd	25.336.052.500	-
Tricon Energy Ltd	9.294.201.000	-
Hyosung Chemical Corporation	7.324.569.000	25.016.785.200
Borouge Pte Ltd.	43.282.809.750	11.878.812.000
PT Asahimas Chemical	-	8.382.528.000
Các nhà cung cấp khác	31.540.089.604	19.146.520.548
	302.978.842.673	235.400.714.256

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	
	VND	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	472.129.551	1.707.234.129
Công ty TNHH Tam Phước	-	27.526.297.429
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	7.195.793.254	1.187.908.308
	7.667.922.805	30.421.439.866

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	439.854.041.198	(436.407.326.603)	3.446.714.595
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	106.281.667.122	(106.281.667.122)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.572.826.716	89.294.289.937	(71.549.313.676)	26.317.802.977
Thuế thu nhập cá nhân	18.574.289.359	25.044.645.297	(24.425.017.069)	19.193.917.587
Tiền thuê đất	-	4.942.766.617	(4.942.766.617)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	12.045.240.640	(12.045.240.640)	355.436.176
	27.502.552.251	677.462.650.811	(655.651.331.727)	49.313.871.335

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi vay phải trả	3.971.724.951	4.899.889.821
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	79.377.144.823	22.647.974.110
Chi phí vận chuyển	10.206.568.942	7.114.559.430
Chi phí thuê đất	15.782.944.497	12.612.990.373
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.784.260.395	9.417.320.861
Chi phí phải trả khác	1.719.542.807	4.062.443.582
	112.842.186.415	60.755.178.177

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	-	21.831.187.490
Bên khác		
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu		
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	5.002.000.000	31.402.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	8.335.068.642	5.954.600.177
Phải trả Công đoàn	8.777.153.103	369.767.440
Các khoản phải trả khác	1.180.947.630	1.367.163.297
	<hr/>	<hr/>
	23.295.169.375	60.924.718.404
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	1.638.494.769.189	3.274.716.870.586	(3.270.294.028.632)	2.310.265.338	1.645.227.876.481	
Vay dài hạn đến hạn trả	11.384.307.949	-	(11.384.307.949)	-	-	
	1.649.879.077.138	3.274.716.870.586	(3.281.678.336.581)	2.310.265.338	1.645.227.876.481	

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 2,9% đến 5,7% (2022: từ 7,0% đến 9,5%/năm).

Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 771.499 triệu VND (1/1/2023: 948.205 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản:

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 6);
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 323.949 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 363.546 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.758.670.282	1.314.654.826
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	15.582.110.105	14.540.899.706
Tạm ứng từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước (Thuyết minh 22)	-	30.000.000.000
Sử dụng trong năm	(1.864.854.000)	(40.096.884.250)
Số dư cuối năm	<u>19.475.926.387</u>	<u>5.758.670.282</u>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	1.177.961.830.000	1.034.576.932.192	285.914.021.777	2.498.452.783.969
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	117.791.510.000	(117.791.510.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	455.821.101.048	455.821.101.048
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	106.377.639.851	(106.377.639.851)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 24)	-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 24)	-	-	(194.363.001.000)	(194.363.001.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 21)	-	-	(14.540.899.706)	(14.540.899.706)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 21)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2023	1.295.753.340.000	1.023.163.062.043	278.657.399.268	2.597.573.801.311
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	552.092.547.700	552.092.547.700
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	151.088.322.943	(151.088.322.943)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 24)	-	-	(64.787.667.000)	(64.787.667.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 (Thuyết minh 24)	-	-	(194.363.001.000)	(194.363.001.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 21)	-	-	(15.582.110.105)	(15.582.110.105)
Số dư tại ngày 31/12/2023	1.295.753.340.000	1.174.251.384.986	404.928.845.920	2.874.933.570.906

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	129.575.334	1.295.753.340.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức còn lại của năm 2022 bằng tiền trị giá 64.788 triệu VND (500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 5% vốn điều lệ) (2022: phân phối khoản cổ tức còn lại của năm 2021 bằng tiền trị giá 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ)).

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết về việc tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2023 trị giá 194.363 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ) (2022: tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền trị giá 194.363 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ)).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	43.447.992.500	43.447.992.500
Trên năm năm	217.159.824.438	228.021.822.563
	<u>271.469.815.063</u>	<u>282.331.813.188</u>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	604.413	<u>14.508.927.104</u>	42.694	<u>997.322.029</u>

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2023	1/1/2023
			VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934
			<u>16.499.693.934</u>	<u>16.499.693.934</u>

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	74.876.264.537	56.610.270.109
	<u>74.876.264.537</u>	<u>56.610.270.109</u>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023	2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	4.422.870.161.260	4.920.260.454.918
▪ Doanh thu khác	298.391.323.861	336.258.035.358
	<hr/>	<hr/>
	4.721.261.485.121	5.256.518.490.276
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(103.510.655.901)	(112.081.824.064)
▪ Hàng bán bị trả lại	(8.789.278.748)	(10.837.203.697)
▪ Giảm giá hàng bán	(939.591.122)	(7.105.583.571)
	<hr/>	<hr/>
	(113.239.525.771)	(130.024.611.332)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	4.608.021.959.350	5.126.493.878.944

28. Giá vốn hàng bán

	2023	2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	3.080.728.890.146	3.650.794.971.066
▪ Giá vốn khác	300.130.765.293	345.795.653.101
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.712.136.041)	265.776.921
	<hr/>	<hr/>
	3.377.147.519.398	3.996.856.401.088

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	55.800.117.524	46.663.977.898
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.606.448.105	9.001.660.976
Cổ tức và lợi nhuận được chia	210.104.043.883	164.085.160.019
	<hr/>	<hr/>
	268.510.609.512	219.750.798.893

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	83.318.618.128	76.016.547.399
Chiết khấu thanh toán	35.259.873.966	43.924.246.588
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.504.383.461	12.452.289.071
	<hr/>	<hr/>
	122.082.875.555	132.393.083.058
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí bán hàng

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	49.603.173.988	34.278.690.403
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	273.460.174.738	241.387.490.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.727.157.039	18.932.002.231
Chi phí vận chuyển	105.469.285.386	118.510.119.354
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	37.151.183.830	74.355.656.867
Chi phí bán hàng khác	80.501.799.317	60.779.929.630
	<hr/>	<hr/>
	566.912.774.298	548.243.888.694
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	88.387.179.991	63.362.590.857
Chi phí khấu hao và phân bổ	26.479.022.312	30.531.472.396
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(7.118.192.303)	(1.606.748.661)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	65.225.198.791	45.892.943.470
	<hr/>	<hr/>
	172.973.208.791	138.180.258.062
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.875.908.212.885	3.601.657.287.303
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	273.460.174.738	241.387.490.209
Chi phí nhân công và nhân viên	372.499.704.317	356.821.044.994
Chi phí khấu hao và phân bổ	150.406.360.901	149.072.966.500
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(7.118.192.303)	(1.606.748.661)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.086.038.751	312.013.945.400
Chi phí khác	95.300.988.280	68.776.820.886

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	88.631.721.703	76.464.518.139
Dự phòng thiếu trong năm trước	662.568.234	-
	89.294.289.937	76.464.518.139

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	641.386.837.637	532.285.619.187
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	128.277.367.527	106.457.123.837
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.375.162.953	2.824.426.306
Thu nhập không bị tính thuế	(42.020.808.777)	(32.817.032.004)
Dự phòng thiếu trong năm trước	662.568.234	-
	89.294.289.937	76.464.518.139

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	79.429.406.887	138.219.123.109
Mua hàng hóa	466.123.703	6.736.379.584
Phân phối lợi nhuận	196.327.371.811	155.390.248.591
Mua dịch vụ	1.250.511.855	1.104.863.188
Chi phí lãi trả chậm	-	2.443.317.541
Cho vay nguyên vật liệu	15.185.016.000	138.121.666.800
Nhận lại nguyên vật liệu đã cho vay	63.362.554.800	89.944.128.000
Thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	40.000.000
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	152.920.310.840	134.739.453.360
Mua hàng hóa, dịch vụ	247.815.031.631	248.685.558.501
Hàng bán bị trả lại	144.835.822	840.071.168
Cổ tức được nhận	6.109.290.000	-
Phí bản quyền	-	3.400.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	30.472.910.567	36.261.827.079
Cổ tức được chia	599.730.000	499.775.000
Doanh thu bán hàng hóa	24.150.000	29.140.000
Thu hồi lại khoản cho vay	-	15.461.572.866
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</i> <i>– công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty</i>		
Hàng bán trả lại	1.095.826.375	142.162.700
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong</i> <i>– công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	80.050.690	36.460.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	55.504.459.300	73.531.010.180

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng hóa	33.145.113.839	5.723.192.571
Mua hàng hóa	210.107.914.380	556.657.409.286
Hàng bán trả lại	40.290.430	15.827.454

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2023	2022
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	5.024.738.124	4.322.710.128
Ông Noboru Kobayashi – Phó chủ tịch	1.203.600.000	904.000.000
Ông Bùi Đức Long – Thành viên (từ ngày 28/4/2023)	50.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Phương – Thành viên (đến ngày 28/4/2023)	362.750.000	271.000.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên	995.580.000	919.080.000
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	4.763.745.916	4.218.706.499
Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	3.736.305.864	3.329.506.168
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	7.490.910.696	7.124.544.540

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


36. Thông tin so sánh


Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Người lập:


Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng giám đốc Tài chính


Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc



22-03-2024

